

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 667/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 29 tháng 12 năm 2023

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt và công bố kết quả Chỉ số cải cách hành chính của các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố năm 2023

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành Quy định về tiêu chí và quy trình đánh giá Chỉ số cải cách hành chính hàng năm của các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Xét đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 325/TTr-SNV ngày 27/12/2023.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt và công bố kết quả Chỉ số cải cách hành chính của các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố năm 2023 (theo Phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Căn cứ kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2023; các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức quán triệt, rút kinh nghiệm; đưa kết quả Chỉ số cải cách hành chính là một trong những nội dung của công tác thanh tra, kiểm tra cải cách hành chính; có giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện Chỉ số cải cách hành chính ở những năm tiếp theo.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: *Ra*

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ (b/c);
- TTTU, TTHĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC, CVP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Hương Giang



### PHỤ LỤC 01

Chỉ số CCHC năm 2023 của các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh  
(Kèm theo Quyết định số 667/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023  
của UBND tỉnh Bắc Ninh)

Số TT	Tên cơ quan, đơn vị	Điểm do đơn vị tự chấm	Điểm do Hội đồng chấm	Thứ tự xếp hạng theo nhóm
1	Ban quản lý an toàn thực phẩm	100	90.6	1
2	Sở Xây dựng	97.05	90.21	2
3	Sở Tài chính	96.62	89.73	3
4	Sở Khoa học và Công nghệ	96.12	89.27	4
5	Sở Giao thông vận tải	99	88.59	5
6	Sở Công thương	98.25	87.94	6
7	Sở Giáo dục và Đào tạo	98	87.84	7
8	Sở Nội vụ	97.98	87.19	8
9	Sở Y Tế	99.46	86.93	9
10	Sở Kế hoạch và đầu tư	100	86.52	10
11	Sở Tư pháp	100	85.43	11
12	Sở Tài nguyên và Môi trường	95.70	84.14	12
13	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	97.50	83.62	13
14	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	99	82.54	14
15	Sở Thông tin và Truyền thông	99.20	81.09	15
16	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	97.50	80.24	16
17	Ban quản lý các khu công nghiệp	98.50	80.15	17

**PHỤ LỤC 02**

**Chỉ số CCHC năm 2023 của UBND các huyện, thị xã, thành phố**  
(Kèm theo Quyết định số 667/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2023  
của UBND tỉnh Bắc Ninh)



Số TT	Tên cơ quan, đơn vị	Điểm do đơn vị tự chấm	Điểm do Hội đồng chấm	Thứ tự xếp hạng theo nhóm
1	Huyện Gia Bình	94.59	88.43	1
2	Thành phố Bắc Ninh	98.22	88.22	2
3	Huyện Tiên Du	98.90	87.09	3
4	Thị xã Thuận Thành	96.76	86.31	4
5	Huyện Yên Phong	92.76	81.98	5
6	Thành phố Từ Sơn	95.15	81.92	6
7	Huyện Lương Tài	96.73	81.58	7
8	Thị xã Quế Võ	96.05	81.21	8